

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày 19/3/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Tuấn
- Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

O.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Mai Lương Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T O, TP. Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/DSST ngày 11/12/2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐHPT-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP X; Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.HCM;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Tr - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý & Thu hồi nợ (Theo Quyết định số: 239/2021/UQ-PCTT ngày 01/06/2021 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm Quản lý & Thu hồi nợ ký đại diện Ngân hàng TMCP X).

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Văn Ng, Nguyễn Văn M, Phạm Tuấn T (Theo Giấy ủy quyền số: 815/2023/GUQ-BVBank ngày 28/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Quản lý & Thu hồi nợ). Ông T có mặt.

- Bị đơn:

ÔNG LƯƠNG XUÂN NG Năm sinh: 1967; CMND/CCCD số: 111457957 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2010; Số điện thoại: 0355974*** và 0975135***

BÀ NGUYỄN THỊ KH Năm sinh: **1965**; CMND/CCCD số: 001165005041 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/12/2015

Cùng địa chỉ liên lạc: Thôn P, xã D, huyện T O, thành phố Hà Nội. Ông Ng, bà Kh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP X trình bày:

Ngân hàng TMCP X (Viết tắt là BVB) có ký với ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021, BVB cho vay với nội dung chi tiết như sau:

1. Khoản cấp tín dụng 1:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021; Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 168 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận nợ vay lần đầu; Mục đích vay: Cho vay mua nhà tại địa chỉ: Thôn Yên Thái, xã Đông Yên, huyện T O, thành phố Hà Nội; Lãi suất cho vay: 12,7%/năm, cố định trong 06 tháng đầu (áp dụng theo TB số 58/2021/QĐ-SP ngày 26.02.2021, kể từ tháng thứ 7 điều chỉnh 3 tháng 1 lần với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 5,3%/năm)

Ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh đã thực hiện việc rút vốn tại BVB với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) theo Giấy nhận nợ số 0202100004700001 ngày 14/10/2021.

2. Khoản cấp tín dụng 2: BVB và ông Lương Xuân Ng đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 theo đó BVB đã cấp hạn mức tín dụng cho ông Lương Xuân Ng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên, ông Lương Xuân Ng đã ký với BVB Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 12/10/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ bất động sản tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 16, tỷ lệ 1/1000 xã D, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã D, huyện T O, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 351304, số vào sổ cấp GCN: CH 00036CD/TO do Ủy ban nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2010 cập nhật thay đổi ngày 21/05/2021.

Trong quá trình vay vốn, ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi đối với BVB. BVB đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp, tạo điều kiện để ông Lương Xuân Ng và bà

Nguyễn Thị Kh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho BVB, vi phạm nghiêm trọng các nội dung thỏa thuận mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày 10/11/2022, ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh còn nợ BVB tổng số tiền là: 1.176.821.723 đồng (*Một tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng*), trong đó:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021:

- Gốc : 1.041.633.284 đồng;
- Lãi trong hạn : 67.612.580 đồng;
- Phạt chậm trả vốn : 331.426 đồng;
- Phạt chậm trả lãi : 1.289.778 đồng;
- Tổng cộng : **1.110.867.068 đồng.**

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021:

- Gốc : 47.113.849 đồng;
- Lãi dự thu : 1.458.050 đồng;
- Lãi : 9.885.786 đồng;
- Phí : 7.496.970 đồng;
- Tổng cộng : **65.954.655 đồng.**

Để bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP X đề nghị:

1. Buộc ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2022 là: 1.176.821.723 đồng (*Một tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng*), trong đó:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021:

- Gốc : 1.041.633.284 đồng;
- Lãi trong hạn : 67.612.580 đồng;
- Phạt chậm trả vốn : 331.426 đồng;
- Phạt chậm trả lãi : 1.289.778 đồng;
- Tổng cộng : **1.110.867.068 đồng.**

Buộc ông Ng phải thanh toán ngay số nợ tại: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021:

- Gốc : 47.113.849 đồng;
- Lãi dự thu : 1.458.050 đồng;
- Lãi : 9.885.786 đồng;
- Phí : 7.496.970 đồng;
- Tổng cộng : **65.954.655 đồng.**

2. Buộc ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí/phạt phát sinh kể từ ngày 11/11/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 (đối với ông Ng, bà Kh) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 (đối với ông Ng) cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì yêu cầu tòa án tuyên BVB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 12/10/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ bất động sản tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 16, tỷ lệ 1/1000 xã D, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã D, huyện T O, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 351304, số vào sổ cấp GCN: CH 00036CD/TO do Ủy ban nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2010 cập nhật thay đổi ngày 21/05/2021.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh tại BVB. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn thiếu cho BVB.

Bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh không đến Tòa án nhân dân huyện T O làm việc. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến tại địa chỉ cư trú của ông Ng bà Kh song ông Ng bà Kh thường xuyên vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết và tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật song ông Ng bà Kh không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không có ý kiến, không giao nộp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào và cũng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đề nghị: Buộc ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 là: Theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021, tổng số tiền: **1.221.835.578 đồng, trong đó:** Gốc: 925.966.000 đồng; Lãi trong hạn: 264.467.523 đồng; Phạt chậm trả vốn: 8.051.509 đồng; Phạt chậm trả lãi: 23.350.546 đồng;

Buộc ông Lương Xuân Ng phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 tổng số tiền là 95.363.594 đồng; trong đó: Gốc: 47.113.849 đồng; Lãi: 48.249.745 đồng;

Ông Ng, bà Kh tiếp tục phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí/phạt phát sinh kể từ ngày 20/3/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng; Đề nghị xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

* Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O tham gia phiên tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, buộc ông Ng, bà Kh có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử là **1.221.835.578 đồng, trong đó:** Gốc: 925.966.000 đồng; Lãi trong hạn: 264.467.523 đồng; Phạt chậm trả vốn: 8.051.509 đồng; Phạt chậm trả lãi: 23.350.546 đồng; Buộc ông Lương Xuân Ng phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 tổng số tiền là 95.363.594 đồng; trong đó: Gốc: 47.113.849 đồng; Lãi: 48.249.745 đồng;

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn - Ông Ng, bà Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

* Về thẩm quyền: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày

12/10/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP X với ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh, vay với mục đích mua đất ở và tiêu dùng; ông Ng bà Kh có địa chỉ cư trú tại P, D, T O, Hà Nội vì vậy xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

* Về quyền khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần, mã số 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, thay đổi lần thứ 38 ngày 27/7/2017, được cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 0006/NH-GP ngày 15/12/1991 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Sacombank.com.vn). Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, nội dung hoạt động là: nhận gửi tiền, cấp tín dụng...

Như vậy, Ngân hàng TMCP X được thành lập hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, được toàn quyền khởi kiện các vấn đề liên quan trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

* Về việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh tại địa chỉ thôn P, xã Xuân Dương, huyện T O, Hà Nội (theo hợp đồng do nguyên đơn cung cấp) và được Công an xã Xuân Dương xác nhận ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh có đăng ký thường trú và cư trú tại P, Xuân Dương, T O, Hà Nội.

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện T O nhận thấy: Nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh tại P, D, T O, Hà Nội. Địa chỉ này cũng là địa chỉ ông Ng, bà Kh cung cấp cho Ngân hàng tại Đề nghị vay vốn, đề nghị cấp thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng. Do vậy, địa chỉ nguyên đơn cung cấp là đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện T O căn cứ vào Điều 177, Điều 179 thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh tại địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú là hợp lệ và phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Ng, bà Kh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc của Ngân hàng TMCP X:

- Xét thấy, Xét hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, tham gia hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng ngày 12/10/2021, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/10/2021 được coi là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tạm tính đến ngày 19/3/2024, ông Ng bà Kh đã thanh toán được số nợ gốc cho Ngân hàng BVB số tiền tại hợp đồng tín dụng như sau: Gốc: 174.034.000 đồng. Ngày cuối cùng thanh toán là ngày 22/01/2024 và chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào tại Hợp đồng Thẻ.

Theo Điều 7 Khế ước nhận nợ quy định về phương thức trả nợ của Hợp đồng tín dụng: *Trả lãi vay định kỳ 01 tháng/ lần; trả gốc vào ngày 25 định kỳ 1 tháng/1 lần.*

Theo bảng kê và tài liệu nguyên đơn xuất trình, bị đơn bắt đầu vi phạm hợp đồng từ kỳ đầu tiên ngày 25/10/2021 (lịch thanh toán kỳ đầu 25.10.2021 nhưng đến ngày 01/11/2021 ông Ng bà Kh mới thanh toán).

Căn cứ vào Điều 7 hợp đồng tín dụng thì:*Trường hợp bên được cấp tín dụng không trả được nợ gốc đúng hạn và không được VCCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, VCCB có quyền chuyển nợ quá hạn ...*

Và vi phạm Điều 2, Điều 10, Điều 13 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng.

Như vậy, ông Ng, bà Kh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng ông Ng, bà Kh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các nội dung đã thỏa thuận mà hai bên đã ký kết nên Ngân hàng TMCP X đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ng, bà Kh phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền **nợ gốc** tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 là: 925.966.000 đồng; tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số tiền nợ gốc: 47.113.849 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

* Xét yêu cầu thanh toán khoản nợ **lãi trong hạn** của Ngân hàng TMCP X:

- Điều 4 Khế ước nhận nợ quy định lãi suất hợp đồng tín dụng như sau: Lãi suất cho vay 12,7%/năm cố định trong 6 tháng đầu; điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần kể từ tháng 7 với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của VCCB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5,3%/năm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 được sửa đổi, bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng

có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên việc Ngân hàng TMCP X và ông Ng bà Kh thỏa thuận về lãi suất vay trong hợp đồng hạn mức tín dụng và các khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Pháp luật.

Căn cứ vào bảng kê do nguyên đơn xuất trình, đối chiếu với các Quyết định quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước qua các thời kỳ (từ năm 2021 đến thời điểm xét xử) thấy rằng các yêu cầu về lãi trong hạn của Ngân hàng phù hợp thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng bà Kh thanh toán số tiền lãi trong hạn tại hợp đồng tín dụng là 264.467.523 đồng và ông Ng thanh toán lãi tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng là: 48. 249.745 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với **khoản lãi phạt chậm vốn, lãi phạt chậm lãi** tại Hợp đồng tín dụng thấy rằng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Ng, bà Kh phải có nghĩa vụ thanh toán khoản phí phạt chậm trả tính đến thời điểm xét xử là với số tiền phạt chậm trả vốn: 8.051.509 đồng và phạt chậm trả lãi: 23.350.546 đồng;

Điều 7 hợp đồng tín dụng quy định:

...2. Khi đến hạn trả nợ mà Bên được cấp tín dụng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, thì Bên được cấp tín dụng phải trả lãi tiền vay như sau: a.Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay quy định tại Hợp đồng này tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b.Trường hợp Bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định nêu trên, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm hoặc một mức lãi suất khác do VCCB xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật (nếu có) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên được cấp tín dụng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, với mức lãi suất là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc một mức khác do VCCB xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30.12.2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cho vay như sau: “...4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi do vi phạm hợp đồng Thẻ của ông Lương Xuân Ng: Ông Ng sử dụng thẻ từ tháng ngày 21/10/2021 và chưa

thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào cho ngân hàng (vi phạm ngay từ kỳ đầu tiên). Tại Điều 3 và Điều 13 Hợp đồng cấp thẻ tín dụng và được niêm yết công khai trên trang Web chính thức của Ngân hàng X thì: Lãi suất Quy định của loại thẻ standard với lãi suất 35%. Lãi quá hạn 35% x 150%. Do ông Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 08/4/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 47.113.849 bằng 150 % lãi suất trong hạn, tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày 19/3/2024 là: 48. 249.745 đồng;

Như vậy, yêu cầu tiền phạt chậm trả vốn và phạt chậm trả lãi của Ngân hàng phù hợp thỏa thuận của các bên (Điều 7 Hợp đồng tín dụng); phù hợp quy định tại Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30.12.2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phù hợp Điều 6, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu của Ngân hàng về số tiền gốc, lãi, phạt chậm trả vốn, chậm trả lãi tổng số tiền là 1.221.835.578 đồng (Hợp đồng tín dụng) Và 95.363.594 đồng (Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Đối với hợp đồng thế chấp tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 12/10/2021 giữa ông Lương Xuân Ng đã tự nguyện dùng tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 16, tỷ lệ 1/1000 xã D, huyện T O, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 351304, số vào sổ cấp GCN: CH 00036CD/TO do Ủy ban nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2010 cập nhật thay đổi ngày 21/05/2021 để bảo đảm cho khoản vay của ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh tại Hợp đồng tín dụng số 0202100004700 ngày 12/10/2021 và các hợp đồng tín dụng được ký kết trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2021 đến 31/12/2035 (bao gồm mọi nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của các hợp đồng tín dụng được phát sinh trong và sau khoảng thời gian này).

Theo quy định tại Điều 5 hợp đồng thế chấp thì: Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản bảo đảm.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5045/2021/HĐTC ngày 12/10/2021 tại Văn phòng công chứng Phan Xuân. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai TP. Hà Nội - chi nhánh huyện T O ngày 13/10/2021. Việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hợp đồng thế chấp trên được Văn phòng công chứng xác nhận thế chấp, được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết theo đúng thủ tục, trình tự quy định của pháp luật. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP X đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà ông Ng, bà Kh vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 16 tại D, huyện T O, thành phố Hà Nội để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên Tòa hôm nay ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 280, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng [Luật Thi hành án dân sự năm 2014](#);

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh.

2.1. Xác nhận ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh còn nợ Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 tổng số tiền: **1.221.835.578 đồng**, trong đó: Gốc: 925.966.000 đồng; Lãi trong hạn: 264.467.523 đồng; Phạt chậm trả vốn: 8.051.509 đồng; Phạt chậm trả lãi: 23.350.546 đồng;

2.2. Xác nhận ông Lương Xuân Ng còn nợ Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số

02021001040TD ngày 21/10/2021 tổng số tiền là **95.363.594 đồng**; trong đó: Gốc: 47.113.849 đồng; Lãi: 48. 249.745 đồng;

3.1. Buộc ông Lương Xuân Ng và bà Nguyễn Thị Kh phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100004700 ngày 12/10/2021 tổng số tiền: **1.221.835.578 đồng**, trong đó: Gốc: 925.966.000 đồng; Lãi trong hạn: 264.467.523 đồng; Phạt chậm trả vốn: 8.051.509 đồng; Phạt chậm trả lãi: 23.350.546 đồng;

3.2. Buộc ông Lương Xuân Ng phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02021001040TD ngày 21/10/2021 tổng số tiền là **95.363.594 đồng**; trong đó: Gốc: 47.113.849 đồng; Lãi: 48. 249.745 đồng;

4. Kể từ ngày 20/3/2024, ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh còn phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng (đối với ông Ng, bà Kh) và Hợp đồng Thẻ (đối với ông Ng) tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Ngân hàng TMCP X được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 16 tại xã D, huyện T O, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 351304, số vào sổ cấp GCN: CH 00036CD/TO do Ủy ban nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2010 cập nhật thay đổi ngày 21/05/2021 mang tên ông Lương Xuân Ng. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5045/2021/HĐTC ngày 12/10/2021 tại Văn phòng công chứng Phan Xuân; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai TP. Hà Nội - chi nhánh huyện T O ngày 13/10/2021).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí: Ông Lương Xuân Ng, bà Nguyễn Thị Kh phải chịu 48.655.000đ án phí dân sự sơ thẩm (HĐ tín dụng), ông Lương Xuân Ng phải chịu 4.768.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Thẻ tín dụng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020575 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T O, thành phố Hà Nội.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - ông Lương Xuân Ng, Nguyễn Thị Kh có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T O;
- Chi cục THADS huyện T O;
- Đường sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Mai